

Số: 37/2024/QĐST-KDTM

Quận 5, ngày 23 tháng 8 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

### CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

### TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Linh Sương

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Nguyệt Mai

2/ Bà Trần Thị Tuyết

Căn cứ vào điều 212, điều 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ Vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 64/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng thuê sạp”.

### XÉT THẤY:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn **Ban Q** khởi kiện đối với bị đơn là bà **Lý Cẩm V** tranh chấp các hợp đồng cho thuê điểm kinh doanh có thời hạn đã ký giữa nguyên đơn và bị đơn; **Ban Q** là đơn vị sự nghiệp có thu, được tổ chức kinh doanh các dịch vụ tại **Trung tâm Thương mại Q**; bà **Lý Cẩm V** là cá nhân có đăng ký kinh doanh, hoạt động kinh doanh tại **Trung tâm Thương mại Q**, việc giao kết các hợp đồng cho thuê điểm kinh doanh đều nhằm mục đích lợi nhuận nên quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp về kinh doanh thương mại, cụ thể là “Tranh chấp hợp đồng thuê sạp”, được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về kinh doanh thương mại; phát sinh từ quan hệ hợp đồng thuê điểm kinh doanh có thời hạn, hợp đồng được thực hiện tại **Trung tâm Thương mại Q**, địa chỉ **số C A, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh**; nguyên đơn lựa chọn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận 5 và Tòa án nhân dân Quận 5 thụ lý giải quyết vụ án là có căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về người tham gia tố tụng:

Bà **Lý Cẩm V** sinh năm 1962, là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên bà **V** thuộc trường hợp miễn nộp án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ban Q

Địa chỉ trụ sở: Số C A, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của Ban Q: Công ty L1

Địa chỉ trụ sở: Phòng 2401, Tầng B, Tòa nhà L Vinhomes G, số B T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của Công ty L1:* Ông Mai Đại D và/hoặc ông Vũ Đức D1.

Cùng địa chỉ: Phòng 2401, Tầng B, Tòa nhà L Vinhomes G, số B T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 15/3/2022, ngày 30/5/2023)

*Bị đơn:* Bà Lý Cẩm V, sinh năm 1962

Địa chỉ: Số D N, Phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Lý Cẩm V:*

1) Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1968

Địa chỉ: H H, Phường H, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và/hoặc:

2) Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1971

Địa chỉ: 6 Q, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số 003354, quyền số 02/2023 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 06/4/2023 tại Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà V:* Ông Trần Quang V1, Luật sư Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phan Văn T1 – Chủ hộ kinh doanh Quốc Vinh

Địa chỉ: D N, Phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông **Phan Văn T1**: Bà **Lý Cẩm V**

(Theo Giấy ủy quyền số công chứng 003304, quyền số 12/2023TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 11/12/2023 tại **Văn phòng C1**, Thành phố Hồ Chí Minh)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. **Ban Q**, bà **Lý Cẩm V** thỏa thuận thống nhất chấm dứt các Hợp đồng cho thuê điểm kinh doanh có thời hạn số 2235/HĐ-AD, số 2236/HĐ-AD, số 2237/HĐ-AD, số 2238/HĐ-AD, số 2239/HĐ-AD, số 2240/HĐ-AD, số 2241/HĐ-AD và số 2242/HĐ-AD cùng ngày 18/01/2014 được ký giữa bà **Lý Cẩm V** và **Ban Q** kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

2.2. **Ban Q** và bà **Lý Cẩm V** cùng thống nhất chậm nhất đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2024, bà **Lý Cẩm V** có nghĩa vụ bàn giao cho **Ban Q** các Sạp E01, Sạp E, Sạp E, Sạp E, Sạp E, Sạp E, Sạp E, Sạp E4B thuộc Tầng trệt, **Trung tâm Thương mại Q**, địa chỉ: **Số C A, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh** với hiện trạng quầy sạp trống, diện tích và vị trí các sạp theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm Đo đạc Bản đồ thuộc **Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H** lập ngày 09 tháng 10 năm 2023.

2.3. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm không có giá ngạch là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Trong trường hợp các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm thì án phí sơ thẩm là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), **Ban Q** và bà **Lý Cẩm V** thỏa thuận mỗi bên chịu một nửa án phí. Thi hành như sau:

**Ban Q** chịu 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 1.909.855 đồng (Một triệu chín trăm lẻ chín nghìn tám trăm năm mươi lăm đồng). **H** lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm còn dư là 409.855 đồng (Bốn trăm lẻ chín nghìn tám trăm năm mươi lăm đồng) cho **Ban Q**. **Ban Q** đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

Bà **Lý Cẩm V** chịu 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm nhưng được miễn án phí.

- Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). **Ban Q** và bà **Lý Cẩm V** thỏa thuận mỗi bên chịu một nửa chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Thi hành như sau

**Ban Q** tự nguyện chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã tạm nộp cho Tòa án.

Bà **Lý Cẩm v** tự nguyện chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Bà **Lý Cẩm V** có nghĩa vụ hoàn trả cho **Ban Q** số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nêu trên. **Ban Q** và bà **Lý Cẩm V** tự thi hành.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, TP. HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, TP. HCM;
- Các đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Linh Sương**